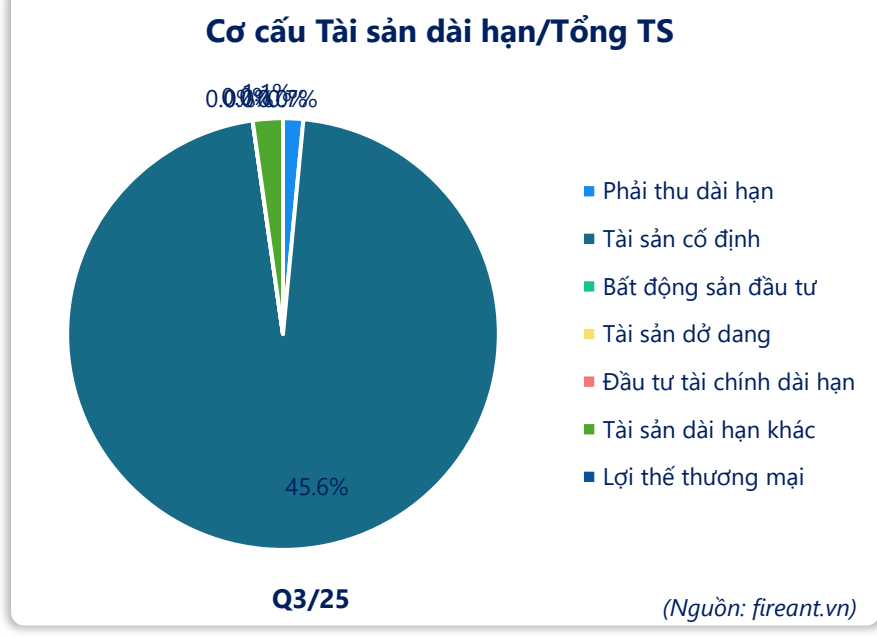
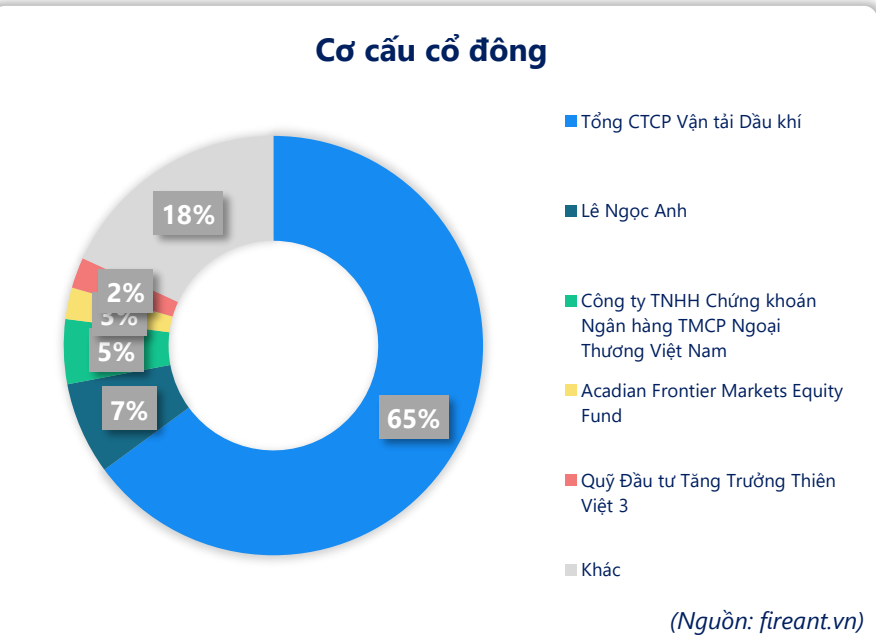
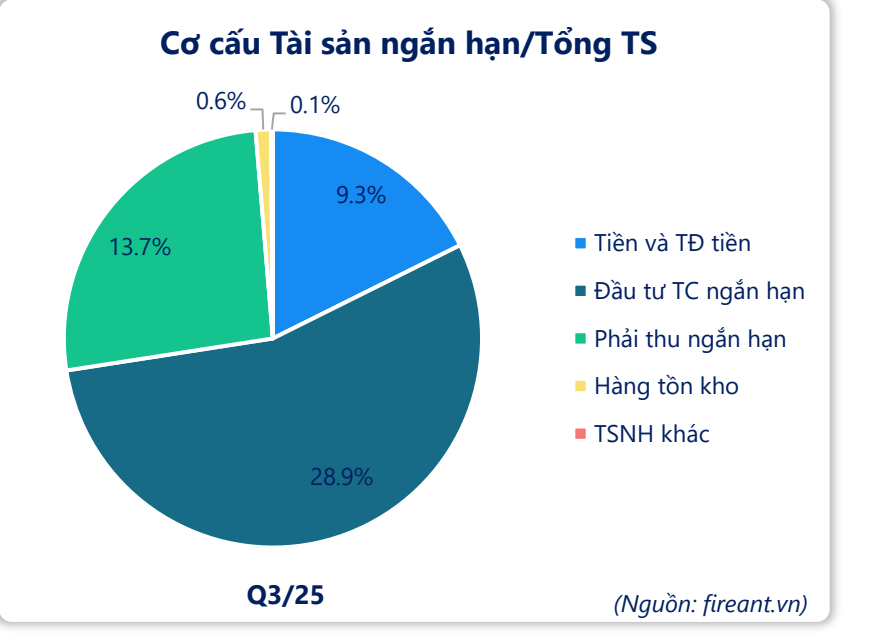
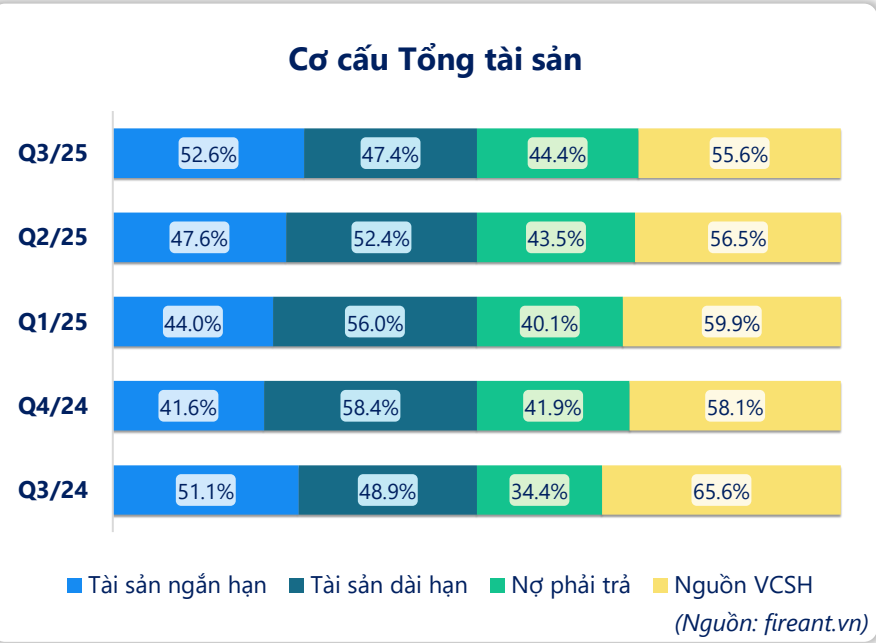
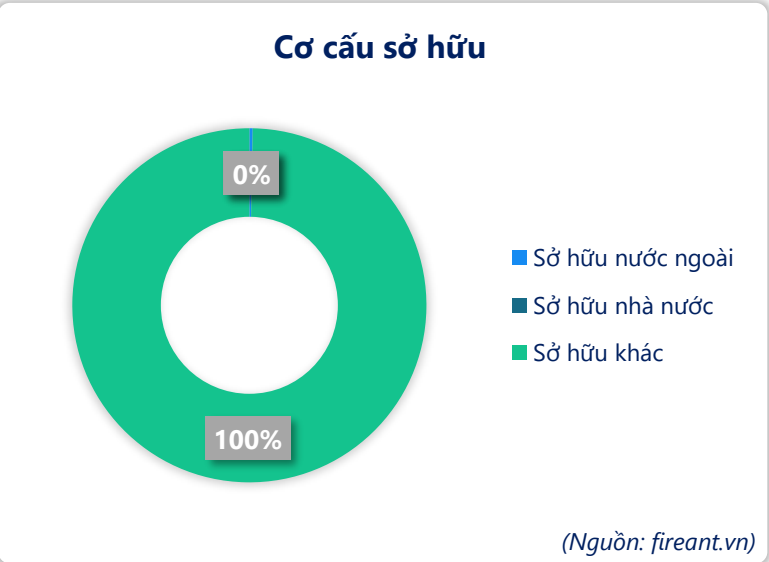
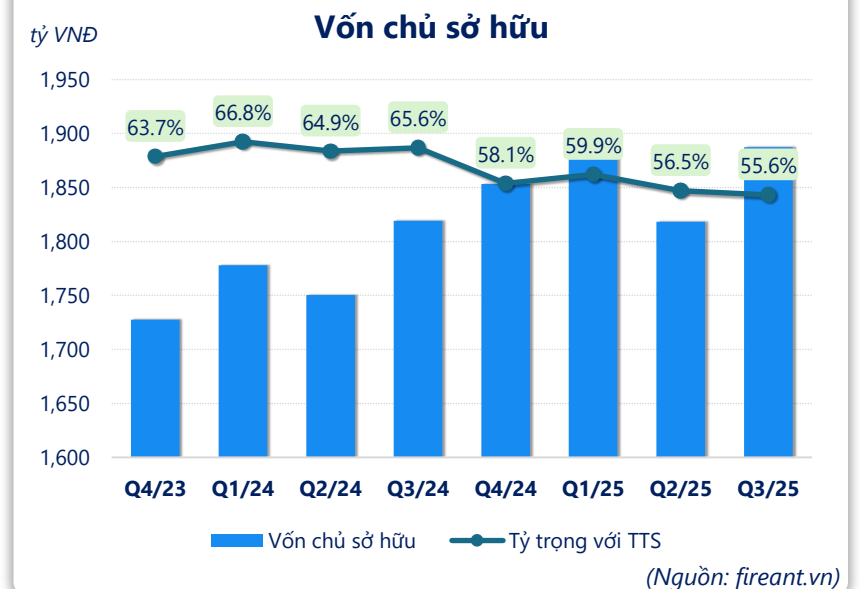
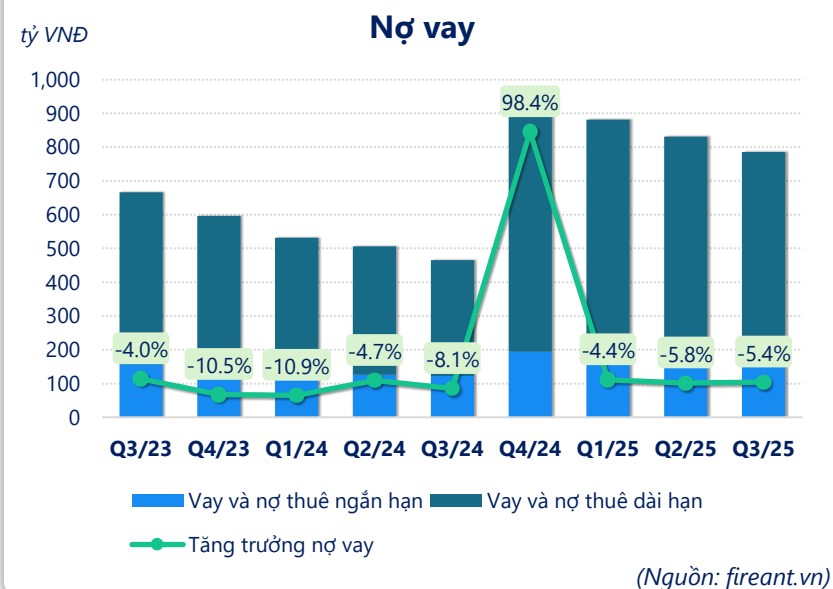
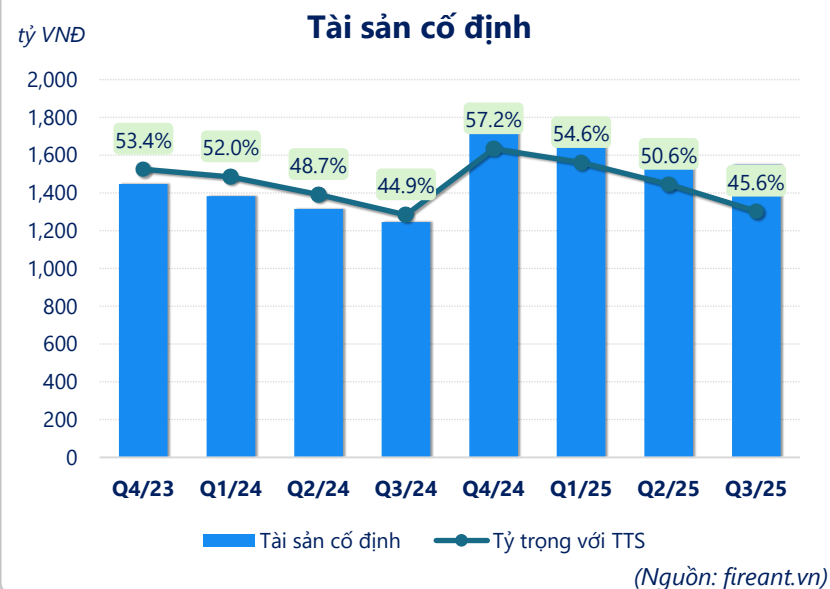
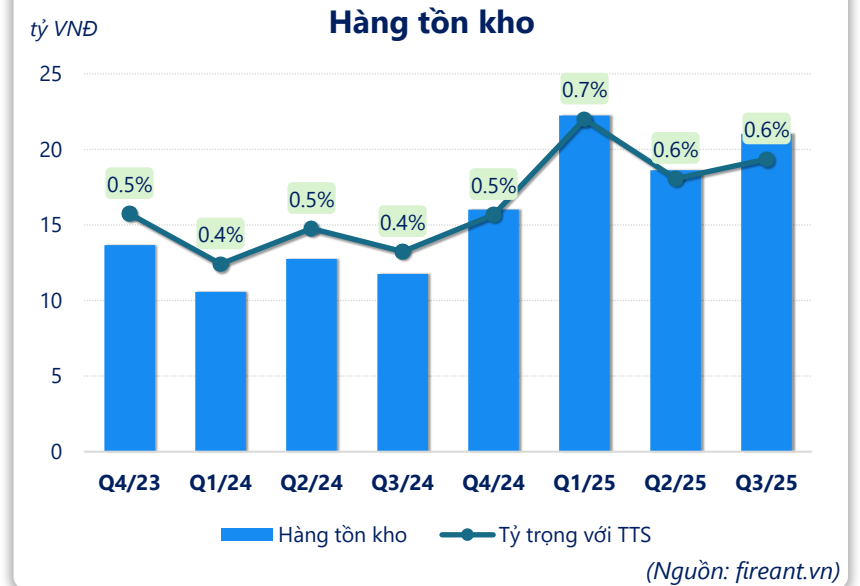
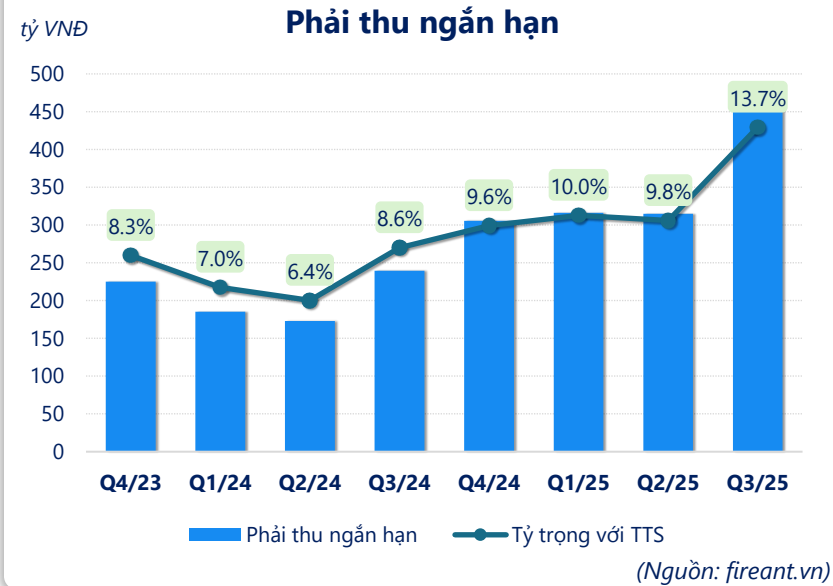
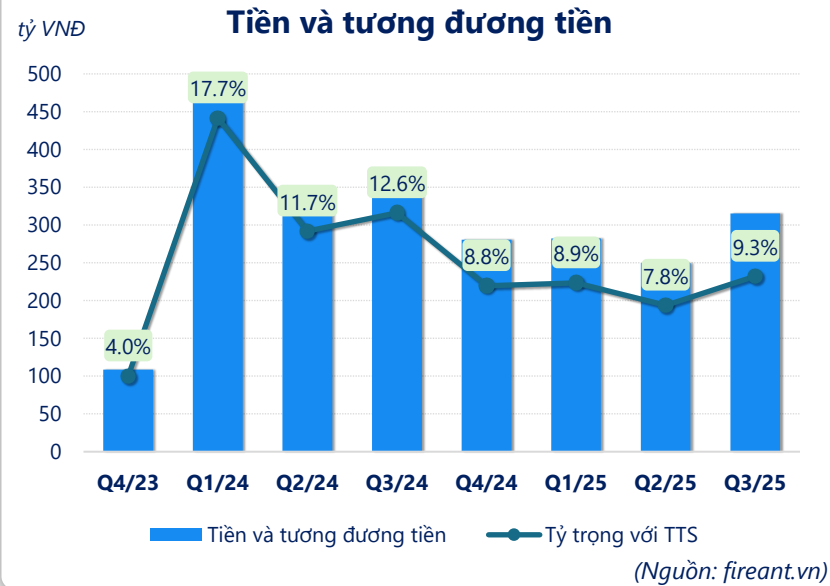
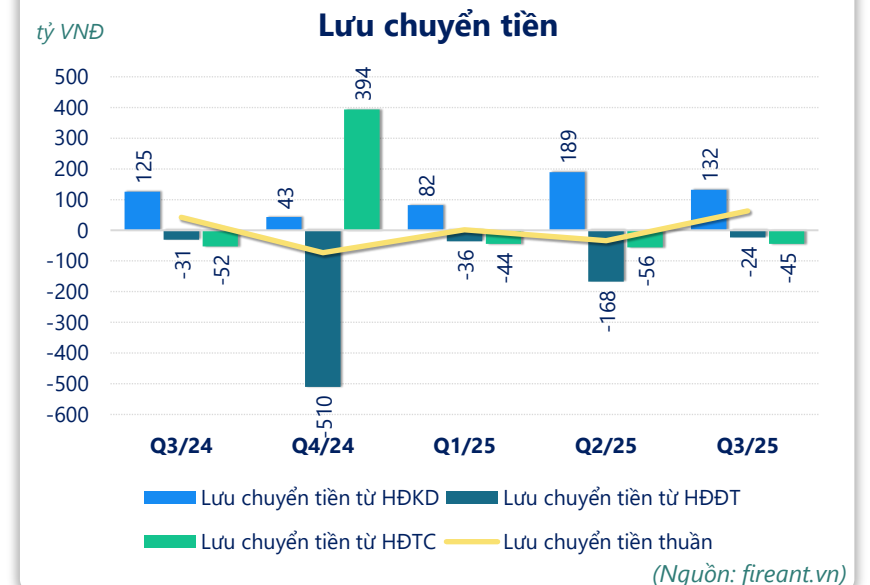
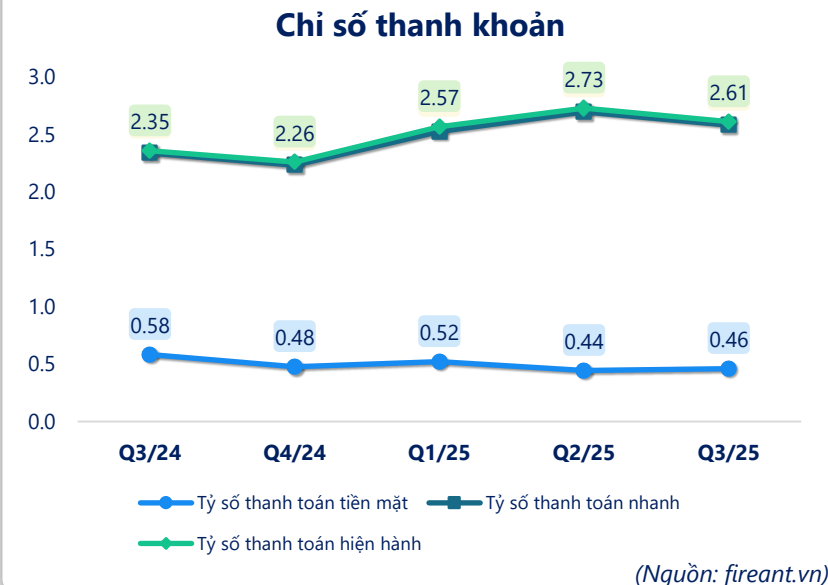
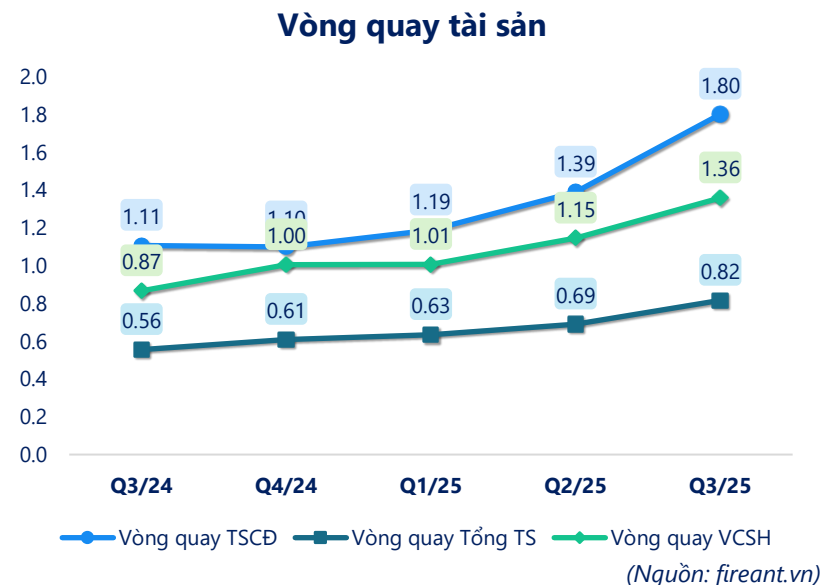
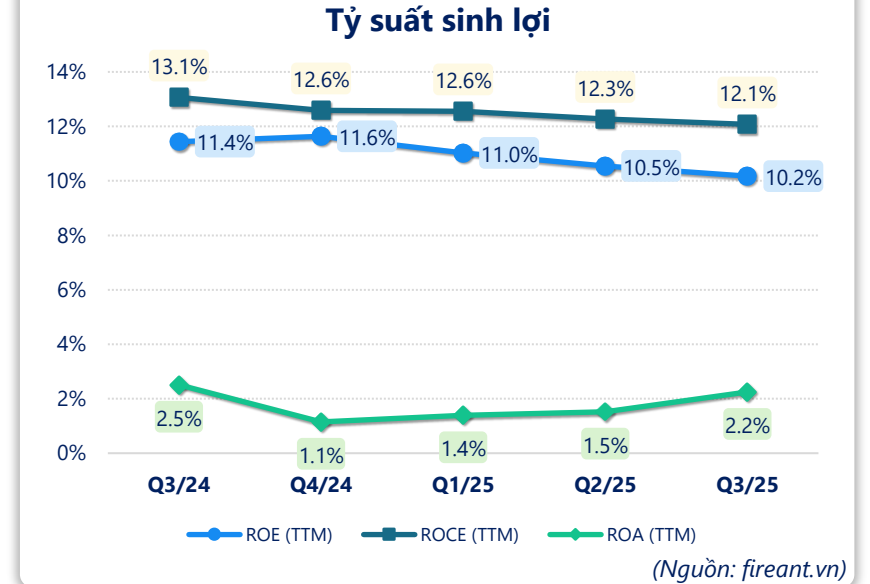
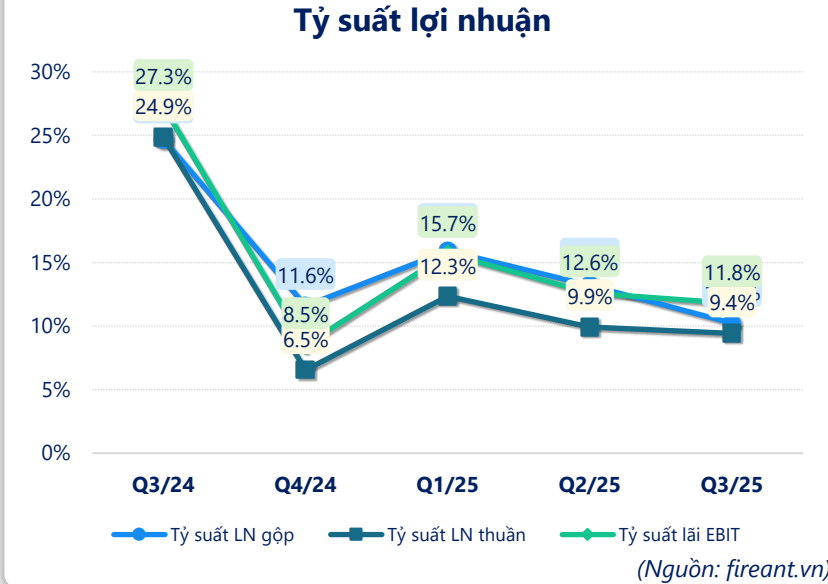
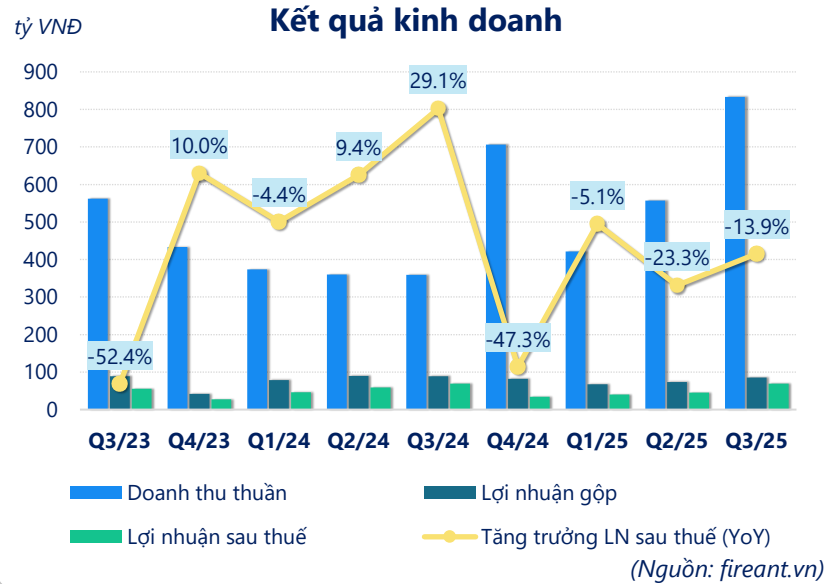


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		14,950
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,018
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,016
SL cổ phiếu LH		103,702,452
KLGD BQ 20 phiên (CP)		110,560
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,550
P/E		8.2
EPS		1,818

	YTD	1T	3T	6T
PVP	-11.7%	5.5%	0.2%	1.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,395	3,186	6.6%
Tài sản ngắn hạn	1,786	1,321	35.2%
Tiền và tương đương tiền	315	281	12.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	981	721	36.0%
Phải thu ngắn hạn	467	300	55.4%
Hàng tồn kho	21.0	16.0	31.3%
Tài sản ngắn hạn khác	2.67	3.87	-30.9%
Tài sản dài hạn	1,609	1,865	-13.7%
Phải thu dài hạn	24.4	10.8	125%
Tài sản cố định	1,549	1,823	-15.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	36.2	30.7	18.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,508	1,334	13.0%
Nợ ngắn hạn	685	583	17.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	177	194	-8.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	290	163	78.0%
Nợ dài hạn	823	751	9.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	608	728	-16.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,887	1,852	1.9%
Vốn chủ sở hữu	1,887	1,852	1.9%
Vốn điều lệ	1,037	1,037	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	359	707	421	557	833
Giá vốn hàng bán	271	625	354	483	748
Lợi nhuận gộp	88.6	81.9	67.0	73.5	85.3
Doanh thu HĐTC	21.3	12.8	12.3	17.5	20.0
Chi phí TC	11.2	25.2	17.6	23.4	13.5
Chi phí lãi vay	8.68	13.9	14.1	13.6	12.5
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	9.47	23.3	9.79	12.3	13.2
LN thuần từ HĐKD	89.3	46.2	52.0	55.4	78.6
Lợi nhuận khác	-0.09	0.00	-0.01	1.18	7.28
LN trước thuế	89.2	46.2	51.9	56.5	85.9
Lợi nhuận sau thuế	68.9	33.9	40.4	45.0	69.2
LNST của CĐ cty mẹ	68.9	33.9	40.4	45.0	69.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	125	43.1	81.8	189	132
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-31.1	-510	-36.0	-168	-23.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-52.5	394	-44.3	-55.8	-44.8
Tiền đầu kỳ	315	351	281	282	250
Lưu chuyển tiền thuần	41.9	-73.0	1.55	-34.2	63.1
Ảnh hưởng tỷ giá	-6.21	2.74	0.11	1.50	2.57
Tiền cuối kỳ	351	281	282	250	315

(Nguồn: fireant.vn)